

## BIỂU PHÍ

### PHẦN 1 - TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM CHO BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE MÁY

(Chưa gồm thuế VAT)

STT	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Xe mới (trong vòng 45 ngày từ ngày mua)	Trong vòng năm đầu tiên sử dụng	Trong vòng năm thứ hai sử dụng	Từ hơn hai năm sử dụng
1	STBH < 21 triệu	3.0224%	2.5690%	2.2668%	1.9645%
2	21 triệu ≤ STBH < 31 triệu	1.7987%	1.5289%	1.3490%	1.1692%
3	31 triệu ≤ STBH < 41 triệu	1.6934%	1.4406%	1.2712%	1.1019%
4	41 triệu ≤ STBH < 51 triệu	1.6521%	1.4052%	1.2400%	1.0748%
5	51 triệu ≤ STBH < 61 triệu	1.6106%	1.3690%	1.2079%	1.0469%
6	61 triệu ≤ STBH < 71 triệu	1.5943%	1.3552%	1.1957%	1.0363%
7	71 triệu ≤ STBH	1.5140%	1.2874%	1.1360%	0.9846%

### PHẦN 2 - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Phí bảo hiểm năm/chỗ ngồi (chưa gồm thuế VAT) = Số tiền bảo hiểm/chỗ ngồi x 0.12%

### PHẦN 3 - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI CHỦ XE CƠ GIỚI

Loại xe		Giới hạn trách nhiệm	
		- Thương tật về người: Các lựa chọn từ \$5,000 đến \$20,000/người/vụ - Thiệt hại tài sản: Các lựa chọn từ \$20,000 đến \$100,000/người/vụ và tối đa \$400,000/ tổng cộng	
Xe máy	Từ 50cc trở xuống	Từ \$14 đến \$56	
	Trên 50cc	Từ \$18 đến \$77	

### LƯU Ý QUAN TRỌNG:

Biểu phí bảo hiểm trên chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi dựa trên:

- Thông tin bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin xe, hiệu suất tổn thất).
- Phạm vi bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền lợi, điều khoản mở rộng, điều khoản loại trừ, giới hạn trách nhiệm, điều kiện áp dụng đặc biệt, v.v.) sau khi thảo luận và thỏa thuận với Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).

Để có báo giá chính xác, vui lòng liên hệ Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).